

PHÁT HUY NGUỒN LỰC CỦA MỘT SỐ TÔN GIÁO TRONG GIÁO DỤC, Y TẾ, BẢO TRỢ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH ĐẮK LẮK^(*)

BÙI THỊ HUYỀN

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Nhận bài ngày 10/7/2026. Sửa chữa xong 12/8/2026. Duyệt đăng 15/8/2026.

Abstract

Dak Lak province has a large ethnic minority population living together and practicing various religions. Over the years, religious organizations have made many positive contributions to education, healthcare, and social welfare for ethnic minorities in Dak Lak province. However, alongside these achievements, the utilization of religious resources in culture, education, and social welfare for ethnic minorities still faces many limitations due to various objective and subjective factors. This article analyzes the current state of utilizing religious resources in education, healthcare, and social welfare in ethnic minority areas of Dak Lak province, highlighting achievements and limitations, and proposing some recommendations for leveraging religious resources in the future.

Keywords: *Dak Lak, education, ethnic minorities, healthcare, religious resources.*

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình phát triển đất nước, huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội là yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và thúc đẩy phát triển bền vững. Trong đó, nguồn lực tôn giáo là một bộ phận của nguồn lực xã hội, bao gồm cả nguồn lực vật chất, tinh thần và con người có khả năng được huy động để tham gia giải quyết những vấn đề của đời sống xã hội. Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định đã chỉ rõ: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Theo Chu Văn Tuấn (2020), “Nguồn lực tôn giáo là nguồn lực xã hội bao gồm tất cả tiềm năng, tiềm lực vốn có của bản thân tôn giáo như: kinh sách, giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tổ chức, cơ sở thờ tự, cơ sở tôn giáo, các loại hình văn hóa tôn giáo, các di sản, di tích, tài sản, hoạt động, nguồn nhân lực (chức sắc, tín đồ) cũng như những tiềm lực mà tôn giáo thu hút được từ phía xã hội và những giá trị mà tôn giáo tạo ra trong mối quan hệ với các lĩnh vực của đời sống xã hội. Như vậy, nguồn lực tôn giáo là một khái niệm rộng, là sự tổng hòa các yếu tố bên trong và bên ngoài tôn giáo”. Theo cách tiếp cận này, nguồn lực tôn giáo có thể được phân thành ba nhóm cơ bản: nguồn lực vật chất; nguồn lực tinh thần và nguồn lực con người.

Đắk Lắk nằm ở khu vực trung tâm Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng và an ninh của vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đây cũng là không gian cư trú lâu đời của nhiều dân tộc thiểu số (DTTS) tại chỗ như Ê-đê, M’ông, Gia Rai... và của các DTTS di cư đến như Tày, Nùng, Dao, H’Mông... Sự đa dạng về dân tộc gắn với đời sống văn hóa, tín ngưỡng và tôn giáo phong phú. Toàn tỉnh hiện có 731.447 tín đồ tôn giáo, chiếm 22,12% dân số, trong đó có 278.953 tín đồ là người DTTS (Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk, 2025). Các tôn giáo có đông tín đồ gồm Công giáo, Phật giáo và Tin Lành. Trong những năm qua, phát huy truyền thống yêu nước, sống “tốt đời, đẹp đạo”, các tổ chức và tín đồ tôn giáo đã tích cực tham gia các phong trào phát triển cộng đồng, đặc biệt trong giáo dục, y tế và trợ giúp

Email: buihuyen491985@gmail.com

xã hội. Đối với vùng DTTS, những vấn đề về giáo dục, chăm sóc sức khỏe, trợ giúp các nhóm yếu thế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có ý nghĩa trực tiếp đối với giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển và bảo đảm an sinh xã hội. Vì vậy, nghiên cứu *“Phát huy nguồn lực của một số tôn giáo trong giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk”* không chỉ góp phần nhận diện vai trò xã hội của các tổ chức tôn giáo mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng cơ chế huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội trong phát triển vùng DTTS tỉnh Đắk Lắk.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát huy nguồn lực tôn giáo

Quan điểm của Đảng về tín ngưỡng, tôn giáo từng bước được đổi mới trong quá trình thực hiện công cuộc Đổi mới. Từ quan điểm xác định: *“Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài”* tại Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị năm 1990 đến Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX nhận thức về tôn giáo tiếp tục được hoàn thiện, trong đó nhấn mạnh *“Tôn giáo đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội”* (Ban Chấp hành Trung ương, 2003). Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị, xác định: *“Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước”* (Bộ Chính trị, 2018). Quan điểm này được khẳng định rõ trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức, cá nhân tôn giáo tham gia hoạt động xã hội. Nghị quyết số 90/CP ngày 21/8/1997 về *“Phương hướng, chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa”*; Luật Giáo dục năm 2019; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 cùng các văn bản hướng dẫn đã từng bước tạo cơ sở pháp lý cho sự tham gia của các tổ chức tôn giáo. Tại Điều 55 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định: các tổ chức tôn giáo được tham gia hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện và nhân đạo theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc phát huy nguồn lực tôn giáo trong giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội vừa đáp ứng nhu cầu thực tiễn của cộng đồng, vừa phù hợp với chủ trương xã hội hóa của Đảng, Nhà nước về phát huy các nguồn lực tôn giáo phục vụ phát triển đất nước. Vấn đề đặt ra đối với Đắk Lắk là làm thế nào chuyển hóa tiềm năng của các tổ chức tôn giáo thành những hoạt động lâu dài, có trọng tâm, hướng đến các địa bàn khó khăn có đông đồng bào DTTS sinh sống.

2.2. Nguồn lực của một số tôn giáo trong giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội vùng dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk

2.2.1. Khái quát về Công giáo, Phật giáo và Tin Lành

Công giáo hiện diện tại Đắk Lắk từ những năm đầu thế kỷ XX. Toàn tỉnh hiện có khoảng 217.026 tín đồ Công giáo, trong đó khoảng 56.000 tín đồ là người DTTS, chủ yếu là Ê-đê, M'nông và Sê-đăng, với 49 giáo xứ, 34 giáo họ và 23 cơ sở dòng tu (Ban Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk, 2025). Với mạng lưới tổ chức và cơ sở tương đối rộng, Công giáo có điều kiện thuận lợi để tham gia các hoạt động giáo dục, y tế và trợ giúp xã hội.

Tin Lành du nhập vào Đắk Lắk từ năm 1932 và hiện có số tín đồ DTTS đông nhất trong các tôn giáo được khảo sát. Toàn tỉnh có khoảng 198.810 tín đồ Tin Lành, trong đó 194.276 người là DTTS; với 19 hệ phái, 306 chức sắc, 62 nhà thờ và 397 điểm nhóm (Ban Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk, 2025). Số lượng tín đồ DTTS chiếm gần 98% tổng số tín đồ Tin Lành, cho thấy đây là tôn giáo có mối liên hệ xã hội đặc biệt sâu rộng với cộng đồng DTTS.

Phật giáo chính thức du nhập vào Đắk Lắk từ đầu thế kỷ XX, hiện nay 193.488 tín đồ, trong đó khoảng 5.000 tín đồ là người DTTS; có 174 cơ sở thờ tự, 45 điểm sinh hoạt tôn giáo và khoảng 430 tăng ni (Ban Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk, 2025). So với Công giáo và Tin Lành, số tín đồ DTTS theo Phật giáo ít hơn, song hoạt động Phật giáo có sự hiện diện tương đối rộng và chú trọng nhiều đến giáo dục đạo đức, chăm sóc tinh thần, hoạt động từ thiện và hỗ trợ cộng đồng.

2.2.2. Phát huy nguồn lực tôn giáo trong giáo dục

a. Xây dựng và tham gia hoạt động của các cơ sở giáo dục

Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh đã hình thành

nhiều cơ sở giáo dục và mô hình hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Toàn tỉnh hiện có 33 cơ sở giáo dục của các tổ chức tôn giáo, trong đó 8 cơ sở trực tiếp hỗ trợ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, học sinh DTTS và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Tiêu biểu là lớp học tình thương Vinh Sơn do Cộng đoàn Dòng Nữ Tử Bác Ái Vinh Sơn tổ chức, hiện chăm sóc, nuôi dưỡng và hỗ trợ khoảng 1.220 trẻ em nghèo, mồ côi, trong đó có 50 trẻ em DTTS. Các em được hỗ trợ về ăn, ở, học tập và rèn luyện kỹ năng sống, qua đó tạo điều kiện để tiếp tục học tập và hòa nhập xã hội.

Những mô hình này có ý nghĩa không chỉ ở việc hỗ trợ vật chất mà còn ở khả năng can thiệp đối với những nhóm trẻ có nguy cơ bỏ học hoặc thiếu điều kiện tiếp cận giáo dục. Đối với trẻ em DTTS có hoàn cảnh khó khăn, sự hỗ trợ về học tập, nơi ở và kỹ năng sống góp phần nâng cao khả năng duy trì việc học, từng bước cải thiện cơ hội phát triển nguồn nhân lực.

b. Thành lập các cơ sở lưu trú cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số

Một đóng góp đáng chú ý của tôn giáo là xây dựng các cơ sở lưu trú phục vụ học sinh, sinh viên DTTS đến từ vùng sâu, vùng xa và địa bàn đặc biệt khó khăn. Hiện tỉnh có 7 cơ sở lưu trú của Công giáo như: Lưu trú Hòa Bình, lưu Cộng đoàn Têrêxa, Kring Đào Mẫu Tâm... Các cơ sở này không chỉ bảo đảm nơi ăn, ở an toàn mà còn hỗ trợ học tập, rèn luyện của học sinh DTTS. Một số cơ sở còn tổ chức phụ đạo cho học sinh học yếu, tạo điều kiện để các em theo kịp chương trình giáo dục phổ thông. Có thể thấy, mô hình lưu trú là một hình thức hỗ trợ phù hợp với đặc điểm địa bàn Đăk Lăk, nơi có nhiều học sinh DTTS đi học xa nhà. Việc hỗ trợ chỗ ở kết hợp với học tập góp phần giảm một trong những rào cản về cơ sở vật chất đối với việc tiếp cận giáo dục của trẻ em DTTS vùng khó khăn.

c. Giáo dục đạo đức, nhân cách và kỹ năng sống

Giáo dục đạo đức, nhân cách và kỹ năng sống là nội dung được các tôn giáo triển khai thông qua nhiều hình thức khác nhau. Phật giáo tổ chức khóa tu mùa hè, các lớp giáo lý và hoạt động thiện nguyện cho thanh thiếu niên; Công giáo tổ chức giáo lý tại giáo xứ, giáo họ, chú trọng giáo dục nhân bản, tinh thần yêu thương và phục vụ cộng đồng; Tin Lành lồng ghép giáo dục đạo đức, kỷ luật, tinh thần lao động, kỹ năng sống và phòng tránh tệ nạn xã hội trong các buổi nhóm, giờ học Kinh Thánh và hoạt động thanh, thiếu niên.

Mặc dù phương thức và nội dung cụ thể khác nhau, các hoạt động đều hướng tới hình thành những phẩm chất tích cực như trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng. Đây là nguồn lực tinh thần có ý nghĩa lâu dài, góp phần bổ sung cho giáo dục chính quy và hỗ trợ quá trình hình thành vốn xã hội trong cộng đồng DTTS.

d. Phát triển phong trào khuyến học, khuyến tài

Các tổ chức Công giáo, Phật giáo và Tin Lành đã từng bước xây dựng mạng lưới khuyến học tại cơ sở. Năm 2024, toàn tỉnh có 261 Ban Khuyến học tại các cơ sở tôn giáo, gồm 112 cơ sở Phật giáo, 74 cơ sở Công giáo và 71 cơ sở Tin Lành; có 713 chức sắc, chức việc, tăng ni, nhà tu hành tham gia và hơn 161.000 tín đồ là hội viên khuyến học (Thái Anh, Hoàng Sâm, 2024). Đây là một mạng lưới xã hội đáng kể, góp phần vận động tín đồ quan tâm đến việc học, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và thúc đẩy tinh thần học tập suốt đời. Các hoạt động được triển khai tương đối đa dạng như trao học bổng, hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập, phương tiện đến trường và chi phí học tập cho học sinh nghèo, mồ côi, học sinh DTTS. Tiêu biểu, Chi hội Tin Lành Tân Hòa Đông (xã Ea Na) xây dựng mục tiêu: “Chi hội không có tín hữu thất học; Vận động tín hữu trong độ tuổi đi học không bỏ học; Đẩy mạnh công tác vận động, động viên con cháu là tín hữu học tập tốt”. Từ hoạt động này, hai em mồ côi thuộc chi hội (một em người H'Mông tốt nghiệp đại học và một em người Ê Đê tốt nghiệp thạc sĩ) (Châu Văn Hường, 2024). Những kết quả đạt được cho thấy khuyến học đã trở thành một phương thức quan trọng để các tổ chức tôn giáo tham gia hỗ trợ giáo dục cộng đồng.

e. Góp phần duy trì ngôn ngữ, chữ viết của một số dân tộc thiểu số

Trong quá trình truyền bá tôn giáo, các chức sắc tôn giáo đã quan tâm đến việc học và sử dụng ngôn ngữ của các dân tộc tại chỗ. Một số linh mục đã nghiên cứu, biên soạn từ điển và tài liệu bằng

tiếng Ê-đê, M'Nông; hoạt động dịch Kinh Thánh, giảng đạo bằng tiếng DTTS tiếp tục được thực hiện ở những nơi có đồng tín đồ DTTS sinh hoạt.

Hoạt động này trước hết phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo nhưng đồng thời tạo môi trường thực hành tiếng mẹ đẻ và góp phần duy trì việc sử dụng ngôn ngữ DTTS trong đời sống cộng đồng. Đây là một khía cạnh cần được nhìn nhận trong mối quan hệ giữa nguồn lực tôn giáo và bảo tồn văn hóa DTTS.

2.2.3. Phát huy nguồn lực tôn giáo trong y tế và bảo trợ xã hội

Trong lĩnh vực y tế, các tổ chức tôn giáo đã triển khai nhiều hoạt động như kết nối đoàn y, bác sĩ thiện nguyện khám bệnh, cấp thuốc miễn phí, tặng xe lăn, hỗ trợ phẫu thuật cho trẻ em, chăm sóc người mắc bệnh phong và hỗ trợ các nhóm yếu thế. Trong đó tiêu biểu phải kể đến hoạt động chăm sóc, hỗ trợ thường xuyên cho 60 bệnh nhân phong tại Trại phong Ea Na (xã Ea Na), trong đó có khoảng 30 bệnh nhân phong là người DTTS như phục vụ 2 bữa ăn/ngày, hỗ trợ thuốc men, chăm sóc sức khỏe, động viên tinh thần cho các bệnh nhân.

Trong đại dịch Covid-19 các tổ chức tôn giáo đã phối hợp với chính quyền các cấp tích cực tham gia phòng, chống dịch với nhiều hoạt động thiết thực như: tham gia hỗ trợ nhân lực y tế tại các tuyến đầu chống dịch (như Dòng Đức Maria Nữ Vương Hòa Bình, Cộng đoàn Nữ Tử Bác Ái Vinh Sơn); tổ chức quyên góp tiền, lương thực, thực phẩm cho công tác phòng chống dịch; tham gia tuyên truyền phòng chống dịch tại như thực hiện các nghi lễ tôn giáo tại gia đình bằng hình thức online, không sinh hoạt tôn giáo tập trung: như *Tin Lành* vận động tín đồ sẵn sàng chung tay đồng hành với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập Đỏ tỉnh trong các hoạt động phòng, chống dịch. Thực hiện quản lý điểm nhóm, chi hội bằng mạng xã hội Zalo và thư điện tử, hướng dẫn tín đồ cài đặt phần mềm Bluezone để cảnh báo người mắc Covid-19, vận động tín đồ không hoang mang, thực hiện tốt hướng dẫn của ngành Y tế về các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

Những hoạt động trên cho thấy nguồn lực tôn giáo không chỉ được huy động trong điều kiện bình thường mà còn có khả năng tham gia ứng phó với các tình huống khẩn cấp. Mạng lưới chức sắc, chức việc và tín đồ rộng khắp giúp việc vận động nguồn lực và truyền tải thông tin đến cộng đồng được thực hiện nhanh chóng.

Trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, toàn tỉnh hiện có 6 cơ sở của các tổ chức tôn giáo thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật và người già không nơi nương tựa. Tiêu biểu có cơ sở bảo trợ xã hội chùa Bửu Thắng II và Trung tâm chăm sóc trẻ khuyết tật Vi Nhân thuộc Dòng Thánh Phaolô. Một số cơ sở còn tổ chức dạy nghề phù hợp với khả năng của trẻ khuyết tật như may mặc, làm đồ mỹ nghệ, massage, bấm huyệt và xông hơi, giúp các em từng bước nâng cao khả năng tự lập và hòa nhập xã hội.

2.3. Một số hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy nguồn lực tôn giáo đối với giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội vùng DTTS vẫn còn một số hạn chế.

2.3.1. Phạm vi và mức độ bao phủ còn chưa đồng đều

Đồng bào DTTS ở Đắk Lắk phân bố rộng khắp tại 81/102 xã, trong đó có 51 xã với 704 thôn, buôn đặc biệt khó khăn, chủ yếu ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và biên giới. Trong khi đó, nhiều cơ sở giáo dục và hoạt động xã hội của các tổ chức tôn giáo lại tập trung tại khu vực đô thị và các khu đông dân cư. Sự chênh lệch về phân bố địa lý này tạo ra khoảng cách giữa nơi có nhu cầu cao về nguồn lực xã hội và nơi nguồn lực tôn giáo tập trung, qua đó hạn chế khả năng tiếp cận và phát huy nguồn lực tôn giáo trong hỗ trợ đồng bào DTTS có hoàn cảnh khó khăn.

2.3.2. Mức độ tham gia giữa các tôn giáo chưa tương đồng

Mức độ và phương thức tham gia các hoạt động giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội giữa các tôn giáo chưa tương đồng. Công giáo có thể mạnh tương đối rõ trong việc xây dựng và duy trì các cơ sở giáo dục, cơ sở lưu trú, đồng thời tham gia một số hoạt động chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ xã hội. Tin Lành, mặc dù có số lượng tín đồ là người DTTS khá lớn nhưng sự tham gia trong các lĩnh vực giáo dục, y tế

và bảo trợ xã hội chủ yếu thông qua việc hưởng ứng, phối hợp với các chương trình do chính quyền và các tổ chức xã hội phát động. Phật giáo có nhiều hoạt động từ thiện, cứu trợ và hỗ trợ cộng đồng, song việc xây dựng các mô hình giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội có tính chuyên nghiệp, ổn định và dài hạn còn hạn chế. Sự khác biệt này cho thấy nguồn lực và thế mạnh của từng tôn giáo chưa tương đồng với số tín đồ, chưa phát huy được nguồn lực tôn giáo trong hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội đối với các DTTS.

2.3.3. Nguồn lực huy động còn phân tán và thiếu tính ổn định

Nguồn kinh phí cho các hoạt động xã hội của tổ chức tôn giáo chủ yếu được huy động từ sự đóng góp tự nguyện của tín đồ, chức sắc và các nhóm thiện nguyện nên còn phụ thuộc vào khả năng vận động và điều kiện nguồn lực ở từng thời điểm. Do đó, tính ổn định và khả năng duy trì các chương trình dài hạn còn hạn chế; một số hoạt động vẫn tập trung vào cứu trợ, hỗ trợ trước mắt, trong khi đầu tư có tính chiến lược cho giáo dục, y tế và phát triển con người chưa tương xứng.

2.3.4. Các mô hình khuyến học, khuyến tài chưa thật sự bền vững

Hoạt động khuyến học, khuyến tài tại các cơ sở tôn giáo còn mang tính thời điểm, chủ yếu tập trung vào đầu năm học và các kỳ thi. Nguồn kinh phí phần lớn dựa vào sự đóng góp tự nguyện của chức sắc, nhà tu hành và tín đồ nên tính ổn định chưa cao. Việc hình thành các quỹ hỗ trợ dài hạn và xây dựng mô hình khuyến học, khuyến tài có tính hệ thống, thường xuyên, đặc biệt dành cho học sinh DTTS, còn hạn chế.

2.3.5. Sự phối hợp giữa chính quyền và tổ chức tôn giáo ở một số địa phương chưa chặt chẽ

Công tác phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức tôn giáo trong huy động, kết nối và phát huy nguồn lực tôn giáo ở một số địa phương chưa thật sự chủ động và thường xuyên. Việc cung cấp thông tin, xác định nhu cầu và phối hợp triển khai các chương trình giáo dục, y tế, văn hóa và bảo trợ xã hội còn thiếu đồng bộ, qua đó làm hạn chế hiệu quả khai thác và phát huy nguồn lực tôn giáo trong hỗ trợ cộng đồng, nhất là đồng bào DTTS.

Những hạn chế trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan: Đắk Lắk là tỉnh có đông DTTS, cư trú trên địa bàn rộng, điều kiện kinh tế - xã hội không đồng đều, nhu cầu hỗ trợ lớn trong khi nguồn lực của các tổ chức tôn giáo có giới hạn. Về chủ quan: một số tổ chức tôn giáo chưa có chiến lược dài hạn trong hoạt động xã hội; năng lực quản trị, huy động và kết nối nguồn lực trong hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội còn hạn chế; trong khi cơ chế phối hợp và khuyến khích của chính quyền cơ sở chưa đồng bộ.

2.4. Một số giải pháp phát huy nguồn lực tôn giáo trong giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội vùng dân tộc thiểu số

2.4.1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tôn giáo, bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ

Đối với Trung ương: Cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan như: Luật tín ngưỡng, Luật Khám chữa bệnh, Luật Giáo dục,... đưa nguồn lực tôn giáo vận hành trong khung pháp lý bình đẳng như những pháp nhân khác.

Đối với chính quyền địa phương: Cần chủ động xây dựng cơ chế phối hợp cụ thể giữa cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tăng cường thông tin, tuyên truyền và đối thoại để các tổ chức tôn giáo hiểu rõ chủ trương, chính sách, pháp luật và định hướng phát triển của địa phương; đồng thời tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo phản ánh nhu cầu, đề xuất sáng kiến và tham gia các chương trình xã hội, nhất là những hoạt động dài hạn liên quan đến giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, nhất là đối với DTTS.

2.4.2. Xác định và phát huy thế mạnh của từng tôn giáo

Cần căn cứ vào đặc điểm tổ chức, mạng lưới tín đồ và thế mạnh của từng tôn giáo để phát huy nguồn lực. Công giáo có thế mạnh trong giáo dục, y tế và trợ giúp xã hội, nhất là xây dựng cơ sở lưu trú, trường học và chăm sóc các nhóm yếu thế. Phật giáo có thế mạnh trong giáo dục đạo đức, chăm sóc tinh thần, hoạt động từ thiện và kết nối cộng đồng. Tin Lành có lợi thế lớn về mạng lưới tín đồ DTTS,

khả năng tổ chức cộng đồng và giáo dục tinh thần tương trợ, tự lực. Chính quyền địa phương cần nhận diện những lợi thế này để xây dựng cơ chế khuyến khích phù hợp, hướng nguồn lực của từng tôn giáo vào những lĩnh vực và địa bàn có nhu cầu cao, nhất là vùng đồng bào DTTS.

2.4.3. Khuyến khích các tôn giáo chuyển từ hỗ trợ ngắn hạn sang đầu tư phát triển con người và cộng đồng dài hạn

Cần khuyến khích các tổ chức tôn giáo từng bước chuyển trọng tâm từ các hoạt động cứu trợ, từ thiện ngắn hạn sang các chương trình phát triển con người và cộng đồng có tính ổn định, lâu dài, đặc biệt tập trung vào giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội cho đồng bào DTTS. Việc phân bổ nguồn lực cần dựa trên nhu cầu thực tế và đặc điểm từng địa bàn, ưu tiên các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS và những nơi còn thiếu về cơ sở giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội thiết yếu.

2.4.4. Phát huy vai trò của chức sắc, chức việc và cộng đồng tín đồ

Phát huy vai trò của chức sắc, chức việc và cộng đồng tín đồ trong kết nối, huy động và tổ chức các hoạt động xã hội tại cơ sở. Khuyến khích chức sắc, chức việc phối hợp với già làng, người có uy tín, cán bộ cơ sở và các tổ chức đoàn thể xây dựng, duy trì các mô hình khuyến học, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ trẻ em, hỗ trợ các nhóm yếu thế và xây dựng đời sống văn hóa cộng đồng, nhất là tại những vùng khó khăn có đông đồng bào DTTS sinh sống.

3. Kết luận

Nguồn lực tôn giáo là một bộ phận quan trọng của nguồn lực xã hội, có những đóng góp thiết thực vào phát triển giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội đối với đồng bào DTTS tỉnh Đắk Lắk. Thông qua các hoạt động khuyến học, hỗ trợ giáo dục, chăm sóc sức khỏe, trợ giúp người yếu thế và xây dựng cộng đồng, các tổ chức Công giáo, Phật giáo và Tin Lành đã góp phần bổ sung nguồn lực xã hội, cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản và tăng cường gắn kết cộng đồng. Tuy nhiên, nguồn lực này còn phân tán, mức độ tham gia và tính bền vững chưa đồng đều, hiệu quả phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo ở một số địa bàn còn hạn chế. Vì vậy, cần hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường vai trò điều phối của chính quyền, đồng thời phát huy thế mạnh của từng tôn giáo, nâng cao trách nhiệm xã hội và xây dựng cơ chế phối hợp dài hạn. Đặc biệt, cần ưu tiên các địa bàn khó khăn có đông DTTS sinh sống, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách phát triển và bảo đảm an sinh xã hội cho DTTS tỉnh Đắk Lắk.

Chú thích

(*) Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở năm 2026 “*Nguồn lực tôn giáo đối với an sinh xã hội các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk hiện nay*” do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên chủ trì, chủ nhiệm, ThS. Bùi Thị Huyền.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2003). *Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo*, tr. 171.
- Ban Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk (2025). *Khái quát về tình hình hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2024*.
- Bộ Chính trị (2018). *Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới*.
- Chu Văn Tuấn (2020). *Một số vấn đề lý luận về nguồn lực tôn giáo*. Hội thảo Khoa học quốc tế “*Nguồn lực tôn giáo kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam*”. NXB Tôn giáo, tr. 107.
- Châu Văn Hường (2024). *Chi hội Tin Lành Tân Hòa Đông chung tay đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài*. <https://khuyenhoc.daklak.gov.vn/chi-hoi-tin-lanh-tan-hoa-dong-chung-tay-day-manh-khuyen-hoc-khuyen-tai-146.html>, ngày 09/10/2024.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk (2025). *Báo cáo số 15/BC-SĐTTG, ngày 25/7/2025 Tổng kết Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21/01/2014 của Chính phủ về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội*.
- Thái Anh, Hoàng Sâm (2024). *Hội Khuyến học tỉnh Đắk Lắk và các tôn giáo trong tỉnh cùng chung tay xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời*. <https://khuyenhoc.daklak.gov.vn/hoi-khuyen-hoc-tinh-dak-lak-va-cac-ton-giao-trong-tinh-cung-chung-tay-xay-dung-xa-hoi-hoc-tap-day-manh-hoc-tap-suot-doi-139.html>, ngày 02/10/2024.